

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 14-5-2024

“V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Phan Thành Nhân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Trí Trung.

2. Bà Lâm Kim Huệ.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/01/2024 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/4/2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Cẩm Q, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số G, ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Phạm Ngọc P, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số A, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trương Thị Cẩm Q trình bày:**

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Q với anh Phạm Ngọc P quen biết nhau thông qua mai mối và sau khi tìm hiểu nhau được khoảng 06 - 07 tháng thì quyết định tiến đến hôn nhân, nên gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào khoảng năm 2015. Đến

tháng 9/2015, chị Q với anh P đi đăng ký kết hôn tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Chị Q và anh P chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P đi làm ngày nào cũng nhậu về kiếm chuyện và đánh chị Q. Từ đó, chị Q với anh P đã sống ly thân với nhau khoảng tháng 3/2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị Q với anh P không có giải pháp hàn gắn lại được tình cảm với nhau. Do đó, chị Q nhận thấy nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Q với anh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Q yêu cầu được ly hôn với anh P.

+ Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Q với anh P có 02 con chung tên Phạm Ngọc Kiều Y, sinh ngày 18/9/2014 và Phạm Ngọc Anh T, sinh ngày 26/02/2016 đang sống chung với anh P. Chị Q đồng ý giao 02 con chung cho anh P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị Q không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q với anh Phạm Ngọc P không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn Phạm Ngọc P:* Anh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, bản phô tô đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện. Đồng thời, Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ anh P để tiến hành làm việc, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; không có ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

- *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đối với bị đơn không chấp hành sự triệu tập của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua quá trình tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Cẩm Q.

+ Về hôn nhân: Cho chị Trương Thị Cẩm Q với anh Phạm Ngọc P ly hôn. Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Kiều Y, sinh ngày 18/9/2014 và Phạm Ngọc Anh T, sinh ngày 26/02/2016 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét thấy, nguyên đơn Trương Thị Cẩm Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn Phạm Ngọc P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Q và anh P kết hôn năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L vào ngày 29/9/2015 theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Chị Q cho rằng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị Q với anh P là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P đi làm ngày nào cũng uống rượu về kiếm chuyện và đánh chị Q. Từ đó, chị Q với anh P đã sống ly thân với nhau từ khoảng tháng 3/2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị Q với anh P không có giải pháp hàn gắn lại được tình cảm với nhau.

Xét thấy, giữa chị Q với anh P là có phát sinh mâu thuẫn. Điều này được thể hiện thông qua việc: Trong suốt quá trình làm việc, mặc dù Tòa án đã kiên trì hòa giải, động viên nhiều lần để chị Q với anh P hàn gắn lại tình cảm, đoàn tụ để nuôi dạy con, nhưng chị Q vẫn cương quyết xin ly hôn với anh P. Mặt khác, kể từ khi chị Q nộp đơn khởi kiện đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh P để nhằm tiến hành hòa giải, động viên để chị Q với anh P có thể hàn gắn, đoàn tụ và chung sống lại với nhau, nhưng anh P lại không chấp hành sự triệu tập của Tòa án. Điều đó chứng tỏ rằng, anh P đã không có ý định muốn hàn gắn lại tình cảm với chị Q. Ngoài ra, chị Q với anh P đã sống ly thân với nhau từ tháng 3/2020 đến nay, mà các bên vẫn không có giải pháp để hàn gắn lại tình cảm, để đoàn tụ nuôi dạy con. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị Q với anh P là thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không thể đạt được.

Chính vì vậy, việc chị Q khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh P đã thỏa mãn các điều kiện về căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Đối với cháu Phạm Ngọc Kiều Y, sinh ngày 18/9/2014 và Phạm Ngọc Anh T, sinh ngày 26/02/2016, tính đến nay đều hơn 07 tuổi, đang do anh P trực tiếp nuôi dưỡng và có văn bản thể hiện nguyện vọng mong muốn được sống chung với anh P. Xét thấy, từ trước đến nay, anh P cũng đã trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo cho các cháu Y, T và các cháu cũng đã phát triển tốt. Điều này, chứng tỏ anh P có đủ điều kiện để có thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục tốt cho các cháu Y, T. Hơn nữa, để đảm bảo sự ổn định, tránh gây sự xáo trộn về đời sống có thể dẫn đến việc ảnh hưởng

về mặt tâm sinh lý của các cháu Y, T. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất giao các cháu Y, T cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 và khoản 1 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, lẽ ra người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, anh P vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý cho đến khi xét xử và cũng không có văn bản ý kiến hoặc yêu cầu chị Q cấp dưỡng cho các cháu Y, T. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q không yêu cầu giải quyết; còn anh P vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý cho đến khi xét xử và cũng không có văn bản ý kiến hoặc yêu cầu phân tố để chia tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là đảm bảo quyền tự quyết và định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Từ những phân tích nêu trên cho thấy, phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Q là nguyên đơn trong vụ án ly hôn và không thuộc trường hợp không phải chịu hoặc miễn, giảm án phí theo quy định tại các điều 11, 12, 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Q và anh P đều vắng mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự được quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật H và nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Cẩm Q.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Trương Thị Cẩm Q được ly hôn với anh Phạm Ngọc P.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Ngọc Kiều Y, sinh ngày 18/9/2014 và Phạm Ngọc Anh T, sinh ngày 26/02/2016 cho anh Phạm Ngọc P tiếp tục nuôi dưỡng (Các cháu Y và T đang do anh P trực tiếp nuôi dưỡng).

Chị Trương Thị Cẩm Q được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh Phạm Ngọc P cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Chị Trương Thị Cẩm Q không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

1.3. Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí và tạm ứng án phí: Chị Trương Thị Cẩm Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Q đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003524, ngày 08/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Chị Q đã thực hiện xong.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị Cẩm Q và anh Phạm Ngọc P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- UBND xã Long Hưng B<sup>1</sup>;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (Nh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thành Nhân**

<sup>1</sup> Đăng ký ngày 29/9/2015; Số 89/2015.

